



(Kết thúc tập huấn gen.5)

Phần I. (45đ) QUIZZ

I.1 (15đ) Chọn Hiragana ứng với Romaji cho trước

- | | | | |
|-------|-------------|--------|-------------|
| 1. ma | [も / ま / ほ] | 9. shi | [し / つ] |
| 2. su | [む / す] | 10. ki | [さ / ち / き] |
| 3. ro | [ろ / る] | 11. nu | [め / ぬ / ね] |
| 4. ri | [い / り] | 12. o | [あ / を / お] |
| 5. wa | [ね / わ / れ] | 13. ke | [け / は / ほ] |
| 6. ha | [な / よ / は] | 14. ni | [た / に / こ] |
| 7. ku | [く / へ / ぐ] | 15. ya | [ゆ / ふ / や] |
| 8. mi | [み / ひ / ち] | | |

I.2 (20đ) Viết Romaji ứng với Hiragana cho trước

1. あかい	<input type="text"/>	9. すし	<input type="text"/>
2. きおく	<input type="text"/>	10. ひまわり	<input type="text"/>
3. ちかてつ	<input type="text"/>	11. じゃんけん	<input type="text"/>
4. ふゆ	<input type="text"/>	12. みどり	<input type="text"/>
5. ゆかた	<input type="text"/>	13. きんぎょ	<input type="text"/>
6. にほん	<input type="text"/>	14. ぜんぜん	<input type="text"/>
7. ひのまる	<input type="text"/>	15. おりがみ	<input type="text"/>
8. あおい	<input type="text"/>	16. はる	<input type="text"/>
19. さむらい	<input type="text"/>	17. きもの	<input type="text"/>
20. うそ	<input type="text"/>	18. そろばん	<input type="text"/>

I.3 (10đ) Nội

1.

とうきょう



2.

べんとう



3.

ふじさん



4.

まるこんちゃん



5.

にんじゃ



6.

さくら



7.

おりがみ



8.

すし



9.

ゆき



10.

しんのすけ



Phần II. NGHE

II.1 (20đ) Nghe từ, viết từ và viết cách đọc

1	Natsu	2	<input type="text"/>	3	<input type="text"/>	4	<input type="text"/>
	なつ		<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>
5	<input type="text"/>	6	<input type="text"/>	7	<input type="text"/>	8	<input type="text"/>
	<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>		<input type="text"/>
9	Yuuyake	10	<input type="text"/>	11	<input type="text"/>		
	<input type="text"/>		<input type="text"/>		そして		
12	<input type="text"/>						
	<input type="text"/>						

II.2. (10đ) Nghe và điền thông tin còn thiếu vào đoạn văn cho trước

Taki	あの日・・・(1) <input type="text"/> が降った日。 それはまるで、
Mitsuha	まるで、(2) <input type="text"/> の景色のように、
Both	美しい眺めだった。
Taki	放課後?(3) <input type="text"/> 俺今日これからバイト。
Mitsuha	もうこんな町嫌だよ！こんな (4) <input type="text"/> 嫌だ！ (5) <input type="text"/> は東京のイケメン男子にしてく ださいーい！
Taki	どこ？
Mitsuha	そういえば、ずっと変な夢を見とったような気が するんやけど・・・ 別の (6) <input type="text"/> の人生の夢・・・
Taki	なんだ これ？ な？
Mitsuha	これって・・・
Taki	な？
Mitsuha	これってもしかして。

Taki	俺達は、(7) <input type="text"/> で。
Both	入れ替わってる。
Mitsuha	確かな事が一つだけある。(8) <input type="text"/> は合えば絶対、すぐに分かる。
Taki	言いようと思ったんだ、(9) <input type="text"/> が世界のどこにいても、俺が必ずもう一度会いに行くって。
Mitsuha	(10) <input type="text"/> ?
Taki	お前は、誰だ。
Both	君の名は。

Phần III. (15đ) ĐỌC

11 từ và 4 câu:

Đọc đúng thì đánh dấu x vào ô trong bảng

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Từ	<input type="radio"/>										
Câu	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>							

Phần IV. (10đ) NÓI

Tự giới thiệu bản thân